**7. Thủ tục: Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m3/ngày đêm đối với các hoạt động khác.**

**a.** **Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Tiếp nhận và nộp hồ sơ

+ Tổ chức, cá nhân (gọi chung là Chủ dự án) đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước nộp hồ sơ và phí thẩm định hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa Trung tâm Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 519 Tổ 5 Phường Nguyễn Trãi thành phố Hà Giang tỉnh Hà Giang).

Cán bộ thuộc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra về số lượng và thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì không tiếp nhận, cán bộ Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng hướng dẫn chủ dự án bổ sung, hoàn chỉnh theo quy định (thực hiện hướng dẫn một lần bằng phiếu hướng dẫn).

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ đề nghị thẩm định

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra chi tiết hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định, trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo cho Chủ dự án để bổ sung, chỉnh sửa. Chủ dự án có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu và gửi lại hồ sơ đến Trung tâm Hành chính công tỉnh từ Bước 1.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, đảm bảo tính hợp lệ, đủ điều kiện tổ chức thẩm định thì tổ chức thẩm định.

Bước 3: Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước trong hồ sơ đề nghị cấp phép (sau đây gọi chung là đề án, báo cáo):

+ Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ sang Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa Trung tâm Hành chính công tỉnh trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép;

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc;

+ Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép cho tổ chức, cá nhân tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa Trung tâm Hành chính công.

Bước 4: Quyết định cấp Giấy phép

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép do Sở Tài nguyên và Môi trường trình, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định cấp giấy phép. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

Bước 5: Trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cấp giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển quyết định cấp giấy phép đến Trung tâm Hành chính công tỉnh để trả kết quả, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận quyết định cấp giấy phép.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

Từ thứ 2 – thứ 6 trong ngày làm việc (trừ ngày lễ, ngày nghỉ)

Buổi sáng: từ 7h30 – 11h30

Buổi chiều: từ 13h30 – 17h00

**b.** **Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa Trung tâm Hành chính công tỉnh.

**c.** **Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép;

- Đề án xả nước thải vào nguồn nước kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa xả nước thải;

- Báo cáo hiện trạng xả nước thải kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước;

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước; kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải;

- Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến (đối với trường hợp phải lấy ý kiện đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).

Trường hợp chưa có công trình xả nước thải vào nguồn nước, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

**d. Số lượng hồ sơ:** 02 (hai) bộ hồ sơ.

**đ.** **Thời hạn giải quyết:** Tổng thời hạn 45 ngày làm việc

Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kề từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

Thời hạn thẩm định đề án*:* Trong thời hạn hai mươi tám (28) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án: không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc.

Thời hạn quyết định cấp giấy phép: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp giấy phép.

Thời hạn trả giấy phép: Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển kết quả đến Trung tâm Hành chính công tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

**đ.** **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e.** **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Hà Giang.

+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

+ Cơ quan phối hợp (nếu có): các cơ quan nhà nước có liên quan.

**g.** **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

**h. Phí:** Phí thẩm định đề án, báo cáo cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Nghị quyết số 80/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên phí** | **Đơn vị tính** | **Mức thu**  **(đồng)** |
| I. Thẩm định đề án, báo cáo cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước,  công trình thủy lợi | | | |
| 1 | Đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 100 m3/ngày đêm. | Đề án, Báo cáo | 750.000 |
| 2 | Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100 m3 đến dưới 500 m3/ngày đêm. | Đề án, Báo cáo | 2.200.000 |
| 3 | Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m3 đến dưới 2.000 m3/ngày đêm. | Đề án, Báo cáo | 5.500.000 |
| 4 | Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2.000 m3 đến dưới 5.000 m3/ngày đêm. | Đề án, Báo cáo | 10.600.000 |
| II. Thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản | | | |
| 1 | Lưu lượng nước từ 10.000m3 đến dưới 20.000m3/ ngày đêm | Đề án, báo cáo | 14.000.000 |
| 2 | Lưu lượng nước từ 20.000m3 đến dưới 30.000m3/ ngày đêm | Đề án, báo cáo | 19.000.000 |

**i.** **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước: theo mẫu số 09 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

- Đề án xả nước thải vào nguồn nước kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa xả nước thải ( Mẫu 35 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT).

- Báo cáo hiện trạng xả nước thải kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước: theo mẫu số 36 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

- Mẫu giấy phép xả nước thải vào nguồn nước: Mẫu số 20 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

**k.** **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đã thực hiện việc thông báo, lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).

Có đề án, báo cáo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước nếu chưa có quy hoạch tài nguyên nước. Đề án, báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Phương án, biện pháp xử lý nước thải thể hiện trong đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân khác đủ năng lực thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải đối với trường hợp đã có công trình xả nước thải;

- Có phương án bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải đối với trường hợp chưa có công trình xả nước thải;

- Đối với trường hợp xả nước thải có công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000m3/ ngày đêm trở lên còn phải có phương án, phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và thực hiện việc giám sát hoạt động xả nước thải theo quy định.

**l.** **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

- Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

- Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường.

*- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.*

*- Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.*

- Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 14/8/2015 của UBND tỉnh Quyết định ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Nghị quyết số 80/2017/NQ-HĐND ngày 24/4/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang Quy định về phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất; Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt; Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Mẫu 09**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**Kính gửi:.**..............................................................................(1)

**1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

1.1. Tên tổ chức/cá nhân *(đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân):*...............................................................................

1.2. Số Giấy đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định *(đối với tổ chức)*/số Chứng minh nhân dân, nơi cấp, ngày cấp *(đối với cá nhân)*: ………………………………………………

1.3. Địa chỉ *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú)*: ….……………….

1.4. Điện thoại: ……………… Fax: ………..……… Email: …...................

**2. Thông tin về cơ sở xả nước thải:.**......................................................(2)

**3. Nội dung đề nghị cấp phép:**

3.1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải..........................................................(3)

3.2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn, ấp/tổ, khu phố..............xã/phường, thị trấn...........huyện/quận, thị xã, thành phố..............tỉnh/thành phố...................

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiếu....).*

3.3. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả nước thải:........................................................................(4)

- Chế độ xả nước thải:.................................................................................(5)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| - Lưu lượng xả trung bình: | m3/ngày đêm; | m3/giờ. |
| - Lưu lượng xả lớn nhất: | m3/ngày đêm; | m3/giờ. |

3.4. Chất lượng nước thải:.........................................................................(6)

3.5. Thời gian đề nghị cấp phép: *(tối đa là 10 năm)*:.....................................

**4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có**

- Đề án xả nước thải vào nguồn nước *(đối với trường hợp chưa xả nước thải).*

- Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước *(đối với trường hợp đang xả nước thải).*

- Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước.

- Kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý *(đối với trường hợp đang xả nước thải).*

- Sơ đồ khu vực xả nước thải.

- Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng *(đối với trường hợp xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m3/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia).*

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

**5. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:**

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* cam kết không xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào nguồn nước, ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào và tuân thủ các nghĩa vụ theo Quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật tài nguyên nước.

- *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* đã gửi một (01) bộ hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố..........................................................(7)

Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* xem xét cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho *(Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)*./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.............ngày.......... tháng.......... năm.........* **Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép** *Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu, nếu có)* |

**HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:**

(1) Tên cơ quan cấp phép: Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh đối với trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh *(theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).*

(2) Giới thiệu về cơ sở xả nước thải *(vị trí, loại hình, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; năm hoạt động)*; thời gian dự kiến xả nước thải và công suất xử lý nước thải *(đối với trường hợp chưa xả nước thải)*; năm bắt đầu vận hành công trình xử lý nước thải, công suất xử lý nước thải *(đối với trường hợp đang xả nước thải)*.

(3) Ghi rõ tên, vị trí hành chính *(thôn, ấp/tổ, khu phố; xã/phường, thị trấn; huyện/quận, thị xã, thành phố; tỉnh/thành phố)* của sông, suối, kênh, rạch, vùng biển, hồ, đầm, ao nơi tiếp nhận nước thải.

(4) Nêu rõ hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa dòng, …

(5) Nêu rõ việc xả nước thải là liên tục *(24h/ngày đêm)* hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày.

(6) Ghi rõ các thông số ô nhiễm trong nước thải và Quy chuẩn Việt Nam, hệ số Kq và Kf mà chất lượng nước thải đã đạt được *(với trường hợp đang xả nước thải)* hoặc sẽ đạt được *(với trường hợp chưa xả nước thải)*.

(7) Phần ghi này chỉ áp dụng trong trường hợp cấp phép thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Mẫu 35**

**(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)**

(Trang bìa trong)

**ĐỀ ÁN  
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

……………………..…………..[[1]](#footnote-2)(1)

**(Đối với trường hợp chưa có công trình hoặc đã có công trình xả nước thải nhưng chưa có hoạt động xả nước thải)**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP *Ký (đóng dấu nếu có)* | ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN *Ký, đóng dấu* |

Địa danh, tháng…./năm…..

**HƯỚNG DẪN**

NỘI DUNG ĐỀ ÁN XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

*(Đối với trường hợp chưa có công trình hoặc đã có công trình xả nước thải nhưng chưa có hoạt động xả nước thải)*

**MỞ ĐẦU**

1. Trình bày các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép xả nước thải *(tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email...)* và về cơ sở xả nước thải *(tên, vị trí, quy mô và loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; đối với trường hợp đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư nêu rõ phân đoạn thực hiện, tiến độ thực hiện dự án; trường hợp đã có công trình xả nước thải nêu rõ thời gian dự kiến bắt đầu hoạt động sản xuất và xả nước thải).*

2. Trình bày khái quát về hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở xả nước thải.

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ riêng lẻ: công nghệ sản xuất, sản lượng, sản phẩm, nguyên, nhiên liệu sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

- Đối với khu/cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ *cao (sau đây gọi chung là Khu công nghiệp):* giới thiệu về cơ cấu các ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

- Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: quy mô vùng nuôi *(diện tích vùng nuôi, tổng diện tích mặt nước; số ao, đầm nuôi)*, hình thức nuôi, kỹ thuật nuôi *(mùa vụ, giống, thức ăn, thuốc; hóa chất, chế phẩm nuôi và bảo vệ môi trường, …).*

- Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, đô thị tập trung: phạm vi, quy mô, diện tích vùng thu gom, xử lý.

3. Trình bày khái quát về nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải: lưu lượng nước sử dụng, lưu lượng xả nước thải trung bình, lưu lượng xả lớn nhất *(tính theo m3/ngày đêm);* chất lượng nước thải *(nêu rõ Quy chuẩn về chất lượng nước thải đạt được trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận, hệ số áp dụng);* lượng nước, mục đích tái sử dụng nước sau xử lý *(nếu có)*.

4. Trình bày khái quát việc thu gom, xử lý, xả nước thải

- Mô tả sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải *(nêu rõ toàn bộ hệ thống thu gom nước thải đến vị trí công trình xử lý nước thải; hệ thống dẫn, xả nước thải sau xử lý ra nguồn nước tiếp nhận; hệ thống sông, suối khu vực nguồn tiếp nhận nước thải; vị trí các điểm khai thác, sử dụng nước, xả nước thải lân cận cùng xả vào nguồn nước tiếp nhận);* tọa độ, địa giới hành chính vị trí xả nước thải; tên, địa giới hành chính nơi xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận nước thải.

- Công nghệ, công suất hệ thống xử lý nước thải.

5. Cơ sở lựa chọn nguồn nước tiếp nhận nước thải

Thuyết minh việc lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải trên cơ sở bảo đảm sự phù hợp về lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải sau xử lý với mục đích sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận và hạ lưu vị trí xả nước thải, chế độ thủy văn của nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; các yếu tố thuận lợi, bất lợi cho việc xả nước thải.

6. Tóm tắt phương án phòng ngừa, khắc phục sự cố và kiểm soát hoạt động xử lý, xả nước thải vào nguồn nước.

7. Trình bày các căn c ứ, tài liệu lập đề án

- Các quy định về quy hoạch tài nguyên nước, phân vùng mục đích sử dụng nước, phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng xả nước thải liên quan tới nguồn nước tiếp nhận nước thải *(nếu có)*; quy hoạch về thủy lợi, cấp nước, thoát nước và các quy hoạch khác có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước liên quan đến nguồn nước tiếp nhận nước thải *(nếu có)*.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng nước thải, chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

- Các thông tin, tài liệu sử dụng để xây dựng đề án *(liệt kê các thông tin, tài liệu thu thập và tài liệu, số liệu do tổ chức/cá nhân khảo sát, đo đạc thực tế).*

8. Thông tin về việc tổ chức thực hiện lập đề án

- Phương pháp thực hiện xây dựng đề án.

- Thông tin về tổ chức lập đề án *(tên, năng lực thực hiện).*

- Danh sách thành viên tham gia.

**Chương I**

**ĐẶC TRƯNG NGUỒN NƯỚC THẢI**

**I. Hoạt động phát sinh nước thải**

Trình bày hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thuyết minh rõ về nhu cầu sử dụng nước, xả nước thải, lượng nước thải thu gom, xử lý, chất lượng nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, với các nội dung chính sau:

1. Thuyết minh quy trình sản xuất, các hoạt động sử dụng nước và phát sinh nước thải:

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ riêng lẻ: trình bày sơ đồ quy trình sản xuất *(chỉ rõ các công đoạn sử dụng nước, phát sinh nước thải, công đoạn sử dụng nước tuần hoàn);* định lượng sản lượng, sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

b) Đối với khu công nghiệp: trình bày cơ cấu ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chỉ rõ các ngành nghề sử dụng nước, phát sinh nước thải.

c) Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: trình bày sơ đồ quy trình nuôi và việc sử dụng nước, xả nước thải trong quy trình nuôi trồng thủy sản.

d) Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, đô thị tập trung: trình bày số dân thuộc địa bàn thu gom, xử lý nước thải, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực thu gom, xử lý (số lượng, loại hình, tình trạng xử lý nước thải của từng cơ sở, giấy phép xả nước thải được cấp).

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải *(tính theo m3/ngày đêm):*

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ riêng lẻ: trình bày lượng nước sử dụng, lượng nước thải của các công đoạn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt…

b) Đối với khu công nghiệp: tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải theo cơ cấu ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ *(bao gồm cả sinh hoạt).*

c) Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: trình bày lượng nước sử dụng, lượng nước xả trong quy trình nuôi trồng thủy sản

d) Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, đô thị tập trung: trình bày lượng nước thải sinh hoạt, lượng nước thải công nghiệp thuộc địa bàn thu gom, xử lý của công trình.

3. Thuyết minh lượng nước thải thu gom, xử lý *(tính theo m3/ngày)* và thông số, nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải trước khi xử lý.

**II. Hệ thống thu gom nước thải**

Trình bày việc thiết kế, bố trí hệ thống thu gom toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và việc xử lý sơ bộ nước thải, như sau:

1. Trình bày sơ đồ và mô tả hệ thống thu gom nước thải, cách thức thu gom, các thông số thiết kế của hệ thống thu gom.

2. Trình bày việc xử lý sơ bộ các loại nước thải trước khi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung.

*(Có phụ lục bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom nước thải kèm theo)*

**III. Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa**

Trình bày việc thiết kế, bố trí hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa trên toàn bộ diện tích mặt bằng của cơ sở, như sau:

1. Trình bày sơ đồ và mô tả hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa *(nêu rõ các khu vực thu gom, đường dẫn nước mưa, vị trí thoát nước mưa)*; đánh giá khả năng tiêu thoát nước mưa.

2. Trình bày biện pháp kiểm soát nước mưa bị ô nhiễm *(nếu có)*.

*(Có phụ lục bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom nước mưa kèm theo)*

**IV. Hệ thống xử lý nước thải**

Thuyết minh rõ về khả năng xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải *(chứng minh được hiệu quả và khả năng xử lý nước thải của hệ thống)* với những nội dung chính sau đây:

1. Thuyết minh về việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải.

2. Trình bày sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải *(nêu rõ thông số kỹ thuật cơ bản và hiệu quả xử lý tại các công đoạn).*

3. Liệt kê danh mục các thiết bị đầu tư lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải *(hãng sản xuất, xuất xứ, …).*

4. Trình bày việc sử dụng hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải *(nêu rõ tên loại hóa chất, chế phẩm vi sinh; công đoạn xử lý có sử dụng; lượng hóa chất, chế phẩm vi sinh sử dụng).*

*(Có phụ lục bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải kèm theo).*

**V. Hệ thống dẫn, xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận**

Trình bày việc dẫn, xả nước thải sau khi xử lý *(từ đầu ra của hệ thống xử lý nước thải)* đến nguồn nước tiếp nhận nước thải, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Sơ đồ và mô tả hệ thống cống, kênh, mương…dẫn nước thải sau xử lý ra đến nguồn nước tiếp nhận.

2. Mô tả công trình cửa xả nước thải *(loại công trình, kích thước, vật liệu...).*

3. Chế độ xả nước thải *(nêu rõ việc xả nước thải là liên tục 24h/ngày đêm hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày...).*

4. Phương thức xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận *(nêu rõ là bơm, tự chảy, xả mặt, xả đáy, xả ven bờ, giữa dòng, giữa hồ...).*

**Chương II**

**ĐẶC TRƯNG NGUỒN NƯỚC TIẾP NHẬN**

**I. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

Mô tả các yếu tố tự nhiên liên quan đến điều kiện nguồn nước tại khu vực tiếp nhận nước thải, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải.

2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải.

3. Chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước.

a) Diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều *(trường hợp nguồn nước tiếp nhận là sông, suối).*

b) Chế độ hải văn *(trường hợp nguồn nước tiếp nhận là biển).*

c) Chế độ, diễn biến mực nước hồ, ao (trường hợp nguồn nước tiếp nhận là hồ, ao).

**II. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận**

1. Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải *(màu sắc, mùi, sự phát triển của thủy sinh vật, các hiện tượng bất thường khác).*

2. Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

**III. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải**

Trình bày hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận *(nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí xả nước thải đề nghị cấp phép).*

**IV. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải**

Trình bày các hoạt động xả nước thải khác cùng xả vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải *(trong phạm vi bán kính khoảng từ 1km đến 5km)* với các thông tin chính sau:

1. Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực *(vị trí, khoảng cách đến vị trí xả nước thải đề nghị cấp phép).*

2. Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực *(hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải).*

**Chương III**

**KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA NGUỒN NƯỚC**

I. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận.

II. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước

III. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh

IV. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác.

V. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước [[2]](#footnote-3)1

Đánh giá theo mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận đã xác định ở trên vào thời kỳ kiệt nhất trong năm, vào thời điểm xả nước thải với lưu lượng thường xuyên và lớn nhất.

*(Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải theo quy định hiện hành/hướng dẫn tại Thông tư 02/2009/TT- BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Chương IV**

**KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**I. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận**

Trình bày các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước *(kế hoạch thay đổi công nghệ sản xuất; công nghệ sử dụng nước tiết kiệm; tuần hoàn, tái sử dụng nước; thay đổi, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; thay đổi phương thức xả nước thải...).*

**II. Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước**

Trình bày các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có khả năng xảy ra và biện pháp, kinh phí phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước. Trường hợp xả nước thải quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 *(công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000m3/ngày đêm trở lên)* thì cần trình bày rõ phương án, phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước.

**III. Quan trắc, giám sát hoạt động xả nước thải**

1. Đối với trường hợp đã có công trình xả nước thải

a) Trình bày biện pháp, tần suất, vị trí quan trắc lưu lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

b) Trình bày biện pháp, tần suất, thông số, vị trí quan trắc chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý; chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

c) Trình bày việc bố trí thiết bị, nhân lực, kinh phí thực hiện vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, quan trắc lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận (nếu cơ sở xả nước thải tự vận hành và quan trắc); hoặc nội dung hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước thải, quan trắc lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận (nếu cơ sở xả nước thải thuê tổ chức, cá nhân khác có đủ năng lực để vận hành và quan trắc).

2. Đối với trường hợp chưa có công trình xả nước thải

a) Trình bày phương án thực hiện việc quan trắc lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý; chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

b) Trình bày phương án bố trí thiết bị, nhân lực, kinh phí thực hiện vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, quan trắc lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

- Kết luận: khả năng thu gom, xử lý nước thải; hiện trạng nguồn nước và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

- Kiến nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước: lưu lượng, chất lượng nước thải, vị trí xả nước thải, nguồn tiếp nhận nước thải, thời hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Các cam kết: xả nước thải theo nội dung giấy phép được cấp; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm; bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra ô nhiễm, sự cố ô nhiễm; quan trắc, giám sát hoạt động xả nước thải.

**--------------------------------------**

**Phụ lục kèm theo Đề án:**

1. Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải *(thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ)* kèm theo sơ đồ vị trí lấy mẫu *(vị trí lấy mẫu ở hạ lưu vị trí xả nước thải)* và mô tả thời điểm lấy mẫu ngoài hiện trường *(thời tiết, hiện trạng nguồn nước và các nguồn thải xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu).*

*(Các thông số phân tích nước nguồn tiếp nhận là các thông số theo QCVN hiện hành về chất lượng nước mặt hoặc nước biển ven bờ nếu xả nước thải ra vùng biển ven bờ).*

2. Văn bản quy định về quy hoạch tài nguyên nước, phân vùng mục đích sử dụng nước, phân vùng xả thải do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải *(nếu có)*.

3. Các bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom, tiêu thoát nước thải, nước mưa.

4. Báo cáo thuyết minh, bản vẽ thiết kế cơ sở hệ thống xử lý nước thải.

5. Hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải *(đối với trường hợp thuê tổ chức, cá nhân khác có đủ năng lực để vận hành và quan trắc).*

**Mẫu 36**

**(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)**

(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO  
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

........................................................................................[[3]](#footnote-4)(1)

**(Đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước)**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP *Ký (đóng dấu nếu có)* | ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO *Ký, đóng dấu* |

Địa danh, tháng…./năm…..

**HƯỚNG DẪN**

NỘI DUNG BÁO CÁO XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

*(Đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước)*

**MỞ ĐẦU**

1. Trình bày các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép xả nước thải *(tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email...)* và về cơ sở xả nước thải *(tên, vị trí, quy mô, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, năm bắt đầu hoạt động).*

2. Trình bày khái quát về hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở xả nước thải:

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ riêng lẻ: công nghệ sản xuất, sản lượng, sản phẩm, nguyên, nhiên liệu sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

- Đối với khu/cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao *(sau đây gọi chung là Khu công nghiệp):* giới thiệu các ngành sản xuất *(tổng số nhà máy, xí nghiệp, loại hình sản xuất chính).*

- Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: quy mô vùng nuôi *(diện tích vùng nuôi, tổng diện tích mặt nước; số ao, đầm nuôi)*, hình thức nuôi, kỹ thuật nuôi *(mùa vụ, giống, thức ăn, thuốc; hóa chất, chế phẩm nuôi và bảo vệ môi trường, …).*

- Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, đô thị tập trung: phạm vi, quy mô, diện tích vùng thu gom, xử lý.

3. Trình bày khái quát về nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải: lưu lượng nước sử dụng, lưu lượng xả nước thải trung bình, lưu lượng xả lớn nhất *(tính theo m3/ngày đêm);* chất lượng nước *thải (nêu rõ Quy chuẩn về chất lượng nước thải đạt được trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận, hệ số áp dụng);* lượng nước, mục đích tái sử dụng nước sau xử lý *(nếu có)*.

4. Trình bày khái quát việc thu gom, xử lý, xả nước thải.

- Mô tả sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải *(nêu rõ toàn bộ hệ thống thu gom nước thải đến vị trí công trình xử lý nước thải; hệ thống dẫn, xả nước thải sau xử lý ra nguồn nước tiếp nhận; hệ thống sông, suối khu vực nguồn tiếp nhận nước thải; vị trí các điểm khai thác, sử dụng nước, xả nước thải lân cận cùng xả vào nguồn nước tiếp nhận)*; tọa độ, địa giới hành chính vị trí xả nước thải; tên, địa giới hành chính nơi xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận nước thải.

- Công nghệ, công suất hệ thống xử lý nước thải.

5. Cơ sở lựa chọn nguồn nước tiếp nhận nước thải.

Thuyết minh việc lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải trên cơ sở bảo đảm sự phù hợp về lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải sau xử lý với mục đích sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận và hạ lưu vị trí xả nước thải, chế độ thủy văn của nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; các yếu tố thuận lợi, bất lợi cho việc xả nước thải.

6. Tóm tắt phương án phòng ngừa, khắc phục sự cố và kiểm soát hoạt động xử lý, xả nước thải vào nguồn nước.

7. Trình bày các căn c ứ, tài liệu lập báo cáo.

- Các quy định về quy hoạch tài nguyên nước, phân vùng mục đích sử dụng nước, phân vùng chức năng nguồn nước, phân vùng xả nước thải liên quan tới nguồn nước tiếp nhận nước thải *(nếu có)*; quy hoạch về thủy lợi, cấp nước, thoát nước và các quy hoạch khác có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước liên quan đến nguồn nước tiếp nhận nước thải *(nếu có)*.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng nước thải, chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

- Các thông tin, tài liệu sử dụng để xây dựng báo cáo *(liệt kê các thông tin, tài liệu thu thập và tài liệu, số liệu do tổ chức/cá nhân khảo sát, đo đạc thực tế).*

8. Thông tin về việc tổ chức thực hiện lập báo cáo.

- Phương pháp thực hiện xây dựng báo cáo.

- Thông tin về tổ chức lập báo cáo *(tên, năng lực thực hiện).*

- Danh sách thành viên tham gia.

**Chương I**

**ĐẶC TRƯNG NGUỒN NƯỚC THẢI**

**I. Hoạt động phát sinh nước thải**

Trình bày hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và thuyết minh rõ về nhu cầu sử dụng nước, xả nước thải, lượng nước thải thu gom, xử lý, chất lượng nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, với các nội dung chính sau:

1. Thuyết minh quy trình sản xuất, các hoạt động sử dụng nước và phát sinh nước thải.

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ riêng lẻ: trình bày sơ đồ quy trình sản xuất *(chỉ rõ các công đoạn sử dụng nước, phát sinh nước thải, công đoạn sử dụng nước tuần hoàn);* định lượng sản lượng, sản phẩm, nguyên, nhiên liệu sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

b) Đối với khu công nghiệp: thống kê các cơ sở phát sinh nước thải *(trong phạm vi khu),* trong đó, nêu rõ các cơ sở nước thải được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu và các cơ sở được thu gom, xử lý nước thải riêng.

c) Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: trình bày sơ đồ quy trình nuôi và việc sử dụng nước, xả nước thải trong quy trình nuôi.

d) Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, đô thị tập trung: trình bày số dân thuộc địa bàn thu gom, xử lý nước thải, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực thu gom, xử lý *(số lượng, loại hình, tình trạng xử lý nước thải của từng cơ sở, giấy phép xả nước thải được cấp).*

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải *(tính theo m3/ngày đêm):*

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ riêng lẻ: trình bày lượng nước sử dụng, lượng nước thải của các công đoạn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt…;

- Đối với khu công nghiệp: tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và xả nước thải của toàn khu và từng cơ sở;

- Đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản: trình bày lượng nước sử dụng, lượng nước xả trong quy trình nuôi.

- Đối với công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, đô thị tập trung: trình bày lượng nước thải sinh hoạt, lượng nước thải công nghiệp thuộc địa bàn thu gom, xử lý của công trình.

3. Thuyết minh lượng nước thải thu gom, xử lý *(tính theo m3/ngày)* và thông số, nồng độ các chất ô nhiễm của nước thải trước khi xử lý *(có kết quả phân tích chất lượng nước thải để chứng minh).*

Riêng đối với khu công nghiệp: trình bày chất lượng nước thải của từng cơ sở phát sinh nước thải trước khi được thu gom vào công trình thu gom nước thải tập trung *(nêu rõ thông số, nồng độ chất ô nhiễm; kết quả phân tích chất lượng nước thải của từng cơ sở);* lượng nước thải được thu gom, xử lý *(đơn vị m3/ngày đêm)* và chất lượng nước thải tại công trình thu gom tập trung *(có kết quả phân tích chứng minh);* các cơ sở nước thải được thu gom, xử lý riêng thì nêu rõ chất lượng nước thải sau xử lý và giấy phép xả nước thải của các cơ sở này.

**II. Hệ thống thu gom nước thải**

Trình bày việc thiết kế, bố trí hệ thống thu gom toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và việc xử lý sơ bộ nước thải, như sau:

1. Trình bày sơ đồ và mô tả hệ thống thu gom nước thải, cách thức thu gom, các thông số thiết kế của hệ thống thu gom.

2. Trình bày việc xử lý sơ bộ các loại nước thải trước khi vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung.

*(Có phụ lục bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom nước thải kèm theo)*

**III. Hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa**

Trình bày việc thiết kế, bố trí hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa trên toàn bộ diện tích mặt bằng của cơ sở, như sau:

1. Trình bày sơ đồ và mô tả hệ thống thu gom, tiêu thoát nước mưa *(nêu rõ các khu vực thu gom, đường dẫn nước mưa, vị trí thoát nước mưa);* đánh giá khả năng tiêu thoát nước mưa.

2. Trình bày biện pháp kiểm soát nước mưa bị ô nhiễm *(nếu có)*.

*(Có phụ lục bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom nước nước mưa kèm theo)*

**IV. Hệ thống xử lý nước thải**

Thuyết minh rõ về khả năng xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải *(chứng minh được hiệu quả và khả năng xử lý nước thải của hệ thống)* với những nội dung chính sau đây:

1. Thuyết minh về việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải.

2. Trình bày sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý nước thải *(nêu rõ thông số kỹ thuật cơ bản và hiệu quả xử lý tại các công đoạn).*

3. Liệt kê danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải *(hãng sản xuất, xuất xứ, thông số kỹ thuật chính, …).*

4. Trình bày việc sử dụng hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải *(nêu rõ tên loại hóa chất, chế phẩm vi sinh; công đoạn xử lý có sử dụng; lượng hóa chất, chế phẩm vi sinh sử dụng).*

*(Có phụ lục bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải kèm theo)*

**V. Hệ thống dẫn, xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận**

Trình bày việc dẫn, xả nước thải sau khi xử lý *(từ đầu ra của hệ thống xử lý nước thải)* đến nguồn nước tiếp nhận nước thải, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Sơ đồ và mô tả hệ thống cống, kênh, mương…dẫn nước thải sau xử lý ra đến nguồn nước tiếp nhận.

2. Mô tả công trình cửa xả nước thải *(loại công trình, kích thước, vật liệu...).*

3. Chế độ xả nước thải *(nêu rõ việc xả nước thải là liên tục 24h/ngày đêm hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày...).*

4. Phương thức xả nước thải vào nguồn nước tiếp nhận *(nêu rõ là bơm, tự chảy, xả mặt, xả đáy, xả ven bờ, giữa dòng, giữa hồ...).*

**Chương II**

**ĐẶC TRƯNG NGUỒN NƯỚC TIẾP NHẬN**

**I. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải**

Mô tả các yếu tố tự nhiên liên quan đến điều kiện nguồn nước tại khu vực tiếp nhận nước thải, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải.

2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải.

3. Chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước.

a) Diễn biến dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ kiệt nhất trong năm, lưu lượng dòng chảy kiệt nhất trong năm, chế độ thủy triều *(trường hợp nguồn nước tiếp nhận là sông, suối).*

b) Chế độ hải văn *(trường hợp nguồn nước tiếp nhận là biển).*

c) Chế độ, diễn biến mực nước hồ *(trường hợp nguồn nước tiếp nhận là hồ, ao).*

**II. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận**

1. Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải *(màu sắc, mùi, sự phát triển của thủy sinh vật, các hiện tượng bất thường khác).*

2. Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải trên cơ sở kết quả phân tích chất lượng nước nguồn tiếp nhận và kết quả thu thập tài liệu, số liệu liên quan đến diễn biến chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

**III. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải**

Trình bày hiện trạng khai thác, sử dụng nước khu vực nguồn nước tiếp nhận *(nêu rõ các hoạt động, mục đích khai thác, sử dụng nước chính, khoảng cách, vị trí các công trình so với vị trí xả nước thải đề nghị cấp phép).*

**IV. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải**

Trình bày các hoạt động xả nước thải khác cùng xả vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải với các thông tin chính sau:

1. Thống kê các đối tượng xả nước thải trong khu vực *(vị trí, khoảng cách đến vị trí xả nước thải đề nghị cấp phép).*

2. Mô tả về nguồn nước thải của từng đối tượng xả nước thải trong khu vực *(hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải, lưu lượng, chế độ xả nước thải).*

**Chương III**

**KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA NGUỒN NƯỚC**

I. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận.

II. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến chất lượng nguồn nước

III. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến hệ sinh thái thủy sinh

IV. Đánh giá tác động của việc xả nước thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội khác.

V. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước [[4]](#footnote-5)2

Đánh giá theo mục đích sử dụng của nguồn nước tiếp nhận đã xác định ở trên vào thời kỳ kiệt nhất trong năm, vào thời điểm xả nước thải với lưu lượng thường xuyên và lớn nhất.

*(Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải theo quy định hiện hành/hướng dẫn tại Thông tư 02/2009/TT- BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Chương IV**

**KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**I. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước tiếp nhận**

Trình bày các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước *(kế hoạch thay đổi công nghệ sản xuất; công nghệ sử dụng nước tiết kiệm; tuần hoàn, tái sử dụng nước; thay đổi, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; thay đổi phương thức xả nước thải...).*

**II. Phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước**

Trình bày các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có khả năng xả ra và biện pháp, kinh phí phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước. Trường hợp xả nước thải quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 của Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 *(công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000m3/ngày đêm trở lên)* thì cần trình bày rõ phương án, phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước.

**III. Quan trắc, giám sát hoạt động xả nước thải**

1. Trình bày biện pháp, tần suất, vị trí quan trắc lưu lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

2. Trình bày biện pháp, tần suất, thông số, vị trí quan trắc chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý; chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

3. Trình bày việc bố trí thiết bị, nhân lực, kinh phí thực hiện vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, quan trắc lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận *(nếu cơ sở xả nước thải tự vận hành và quan trắc);* hoặc nội dung hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân thực hiện vận hành hệ thống xử lý nước thải, quan trắc lưu lượng nước thải, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận *(nếu cơ sở xả nước thải thuê tổ chức, cá nhân khác có đủ năng lực để vận hành và quan trắc).*

*(Phụ lục kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận kèm theo nếu có)*

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT:**

- Kết luận: khả năng thu gom, xử lý nước thải; hiện trạng nguồn nước và khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước.

- Kiến nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước: lưu lượng, chất lượng nước thải, vị trí xả nước thải, nguồn tiếp nhận nước thải, thời hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước.

- Các cam kết: xả nước thải theo nội dung giấy phép được cấp; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm; bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ra ô nhiễm, sự cố ô nhiễm; quan trắc, giám sát hoạt động xả nước thải.

**---------------------------------------**

**Phụ lục kèm theo Báo cáo:**

1. Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải, chất lượng nước thải trước và sau xử lý *(thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ)*, kèm theo sơ đồ vị trí lấy mẫu *(vị trí lấy mẫu ở thượng lưu và hạ lưu vị trí xả nước thải)* và mô tả thời điểm lấy mẫu ngoài hiện trường *(thời tiết, hiện trạng nguồn nước và các nguồn thải xung quanh khu vực vị trí lấy mẫu).*

*(Các thông số phân tích nước nguồn tiếp nhận là các thông số theo QCVN hiện hành về chất lượng nước mặt, nước biển ven bờ; các thông số phân tích chất lượng nước thải là các thông số có trong nguồn thải hoặc theo QCVN về chất lượng nước thải hiện hành).*

2. Số liệu quan trắc chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận *(nếu có).*

3. Văn bản quy định về quy hoạch tài nguyên nước, phân vùng mục đích sử dụng nước, phân vùng xả thải do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải *(nếu có)*.

4. Các bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom, tiêu thoát nước thải, nước mưa;

5. Báo cáo thuyết minh, bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải;

6. Văn bản hợp lệ việc tổ chức/cá nhân được giao, được thuê hoặc được sử dụng đất để đặt công trình dẫn, xả nước thải trong trường hợp hệ thống dẫn, xả nước thải của tổ chức/cá nhân đề nghị xin phép không nằm trên đất do tổ chức/cá nhân này quản lý.

7. Hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải *(đối với trường hợp cơ sở xả nước thải thuê tổ chức, cá nhân khác có đủ năng lực để vận hành và quan trắc).*

**Mẫu 20**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …………………. | *…………., ngày… tháng… năm……* |

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường *(trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường)*/Luật Tổ chức hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 *(trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh)*;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số......... ngày..... tháng..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ …………………………………………………………………..;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của *(tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)* ngày... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước *(trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường)*/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường *(trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh)*,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1: Cho phép *(tên tổ chức/cá nhân)*, địa chỉ tại *(đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú)* được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: ………………...……………..….(1)

2. Vị trí xả nước thải:

- Thôn, ấp/tổ, khu phố..............xã/phường, thị trấn...........huyện/quận, thị xã, thành phố..............tỉnh/thành phố.....................................................................

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục…, múi chiếu….)*.

3. Phương thức xả nước thải: …………………………..………………(2)

4. Chế độ xả nước thải: ………………………………………..……..…(3)

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: …….… m3/ngày đêm …....... m3/giờ.

6. Chất lượng nước thải: ………………………………………………..(4)

7. Thời hạn của giấy phép là..…... năm.

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với *(Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)*.

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận: ………..…(5).

3. Hằng năm *(trước 15 tháng 12)*, tổng hợp báo cáo gửi *(tên cơ quan cấp phép)* về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải và nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước;

………………………………………………………………………

**Điều 3.** *(Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - (Tên chủ giấy phép);  - Cục Quản lý tài nguyên nước *(trường hợp giấy phép do UBND tỉnh/thành phố cấp)*;  - Sở TN&MT tỉnh/thành phố… *(trường hợp giấy phép do Bộ TN&MT cấp)*;  - Cục thuế tỉnh/thành phố.........;  -...............................................;  - Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan trình cấp phép. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP** *(ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

(1) Ghi rõ tên, vị trí hành chính (thôn, ấp/tổ, khu phố; xã/phường, thị trấn; huyện/quận, thị xã, thành phố; tỉnh/thành phố) của sông, suối, kênh, rạch, vùng biển, hồ, đầm, ao nơi nước thải xả vào.

(2) Ghi rõ hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước và phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt, xả ven bờ, xả giữa dòng…

(3) Ghi rõ xả nước thải là liên tục (24h/ngày đêm) hay gián đoạn; chu kỳ xả, thời gian xả trong một chu kỳ; xả theo mùa vụ sản xuất hay theo các thời điểm trong ngày.

(4) Ghi rõ Quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nước thải phải đạt, hệ số áp dụng; giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm chính có trong nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

(5) Ghi rõ nội dung quan trắc bao gồm: vị trí, lưu lượng nước thải, thông số quan trắc chất lượng nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận; tần suất quan trắc. Trong trường hợp yêu cầu quan trắc nước thải tự động thì ghi rõ vị trí, tọa độ đặt thiết bị quan trắc và thông số quan trắc.

1. (1) Ghi tên, địa chỉ cơ sở và quy mô xả nước thải [↑](#footnote-ref-2)
2. 1 Các trường hợp xả nước thải ra biển; xả nước thải với quy mô dưới 20m3/ngày đêm và không chứa hóa chất độc hại thì không phải thực hiện nội dung Mục này [↑](#footnote-ref-3)
3. (1) Ghi tên, địa chỉ cơ sở và quy mô xả nước thải [↑](#footnote-ref-4)
4. 2 Các trường hợp xả nước thải ra biển; xả nước thải với quy mô dưới 20m3/ngày đêm và không chứa hóa chất độc hại thì không phải thực hiện nội dung Mục này. [↑](#footnote-ref-5)